TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9 - 2020
"*V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thúy Hiền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2020 về việc*"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị T – sinh năm 1982
Địa chỉ: NTĐ, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

*** Bị đơn:** Ông Phi Công H – sinh năm 1966
Địa chỉ: NTĐ, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:**

Tôi và anh Phi Công H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau từ 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường KX, thành phố B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 09/01/2006. Quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung: Con gái là Phi Ngọc A, sinh ngày 31/10/2006 và con trai là Phi Hoàng N, sinh ngày 09/01/2010.

Quá trình chung sống chúng tôi hạnh phúc với nhau được 4 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống chồng tôi quá gia

trưởng, không có sự tôn trọng tôi, việc gì cũng tự mình quyết. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng và không có cách giải quyết. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

Về con chung: Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là xin được nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi chỉ yêu cầu anh H chu cấp cho 01 cháu với mức 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Phi Công H trình bày:**

Tôi và chị Đoàn Thị T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau từ 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường KX, thành phố B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 09/01/2006. Quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung là cháu Phi Ngọc A, sinh ngày 31/10/2006 và cháu Phi Hoàng N, sinh ngày 09/01/2010.

Quá trình chung sống chúng tôi có hạnh phúc và có những lúc phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chúng tôi bất đồng quan điểm và chủ yếu là về kinh tế, không có tiếng nói chung nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tuy nhiên, tôi nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng tôi không đến mức quá trầm trọng để dẫn đến ly hôn. Nguyện vọng của tôi là mong muốn được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các cháu trưởng thành.

* Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phi Công H, có địa chỉ tại thành phố B, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị T và ông Phi Công H tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường KX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02 ngày 09/01/2006*), đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình

chung sống vợ cH xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, bà T xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà Đoàn Thị T và ông Phi Công H có 02 con chung là cháu Phi Ngọc A - sinh ngày 31/10/2006 và cháu Phi Hoàng N – sinh ngày 09/01/2010. Hiện nay các cháu đang do ông bà trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án bà T, ông H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N và cháu A đến khi thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy, ông H, bà T đều có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con chung đến khi trưởng thành. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu A và cháu N, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phi Ngọc A cho bà Đoàn Thị T, giao cháu Phi Hoàng N cho ông Phi Công H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đoàn Thị T và ông Phi Công H mỗi người đều có trách nhiệm nuôi 01 con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần buộc ông H, bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị T và ông Phi Công H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đoàn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị T được ly hôn với ông Phi Công H.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Phi Ngọc A - sinh ngày 31/10/2006 cho bà Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và giao

cháu Phi Hoàng N – sinh ngày 09/01/2010 cho ông Phi Công H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Ông Phi Công H, bà Đoàn Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Đoàn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lại thu số AA/2019/0007892 ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- UBND p. KX, TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự